

Kinh nghiệm thành công trong quá trình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc

NÔNG VIỆT CƯỜNG*

Từ khi tiến hành cải cách và mở cửa cho đến nay, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu to lớn trong quá trình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Đặc biệt sau ngày gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), nguồn vốn FDI vào Trung Quốc không ngừng tăng nhanh. Theo đánh

giá của Liên hiệp quốc, Trung Quốc là nước đứng đầu trong các nước đang phát triển về thu hút FDI và đứng thứ hai sau Mỹ. Có được kết quả như vậy là do đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước Trung Quốc trong việc hoạch định và xây dựng chính sách thu hút FDI.

Quá trình thu hút vốn FDI tại Trung Quốc giai đoạn 1979 - 2004

(Đơn vị tính: triệu USD)

| Năm | Tổng số dự án | Vốn đăng ký theo dự án | Quy mô vốn đăng kí cho mỗi dự án | Vốn đầu tư thực tế |
|-----------|---------------|------------------------|----------------------------------|--------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1979-1985 | 6.321 | 16.324 | 25,8 | 4.720 |
| 1986-1991 | 34.706 | 36.014 | 10,4 | 18.627 |
| 1992 | 48.764 | 58.120 | 11,9 | 11.010 |
| 1993 | 83.437 | 111.440 | 13,4 | 27.520 |
| 1994 | 47.490 | 81.410 | 17,1 | 33.790 |
| 1995 | 37.826 | 90.900 | 24,0 | 37.700 |
| 1996 | 24.529 | 73.210 | 29,8 | 42.350 |

* Nông Việt Cường, Học viên cao học, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
|-------------|----------------|-----------------|-------------|----------------|
| 1997 | 21.028 | 52.582 | 25,0 | 45.260 |
| 1998 | 20.611 | 52.520 | 25,5 | 48.000 |
| 1999 | 17.101 | 43.639 | 25,5 | 42.169 |
| 2000 | 22.532 | 64.188 | 28,5 | 42.090 |
| 2001 | 26.140 | 71.128 | 27,2 | 48.824 |
| 2002 | 34.171 | 84.751 | 24,8 | 55.011 |
| 2003 | 41.081 | 116.901 | 28,5 | 56.140 |
| 2004 | 43.664 | 153.479 | 35,2 | 60.630 |
| Tổng | 509.401 | 1106.606 | 21,7 | 573.841 |

Nguồn: Tính toán dựa vào thống kê hàng năm của Cục Thống kê Nhà nước Trung Quốc.

Sau 26 năm thu hút FDI, Trung Quốc đã cấp giấy phép cho 509.401 dự án FDI với tổng vốn đăng kí là 1106.606 triệu USD, trong đó vốn thực hiện đạt 573.841 triệu USD. Tính bình quân, mỗi năm cấp phép được 19.592 dự án với mức 42.562 triệu USD vốn đăng kí (trung bình mỗi dự án là 21,7 triệu USD/dự án). Từ bảng số liệu trên, có thể phân chia tình hình thu hút FDI vào Trung Quốc thành ba giai đoạn sau:

Giai đoạn một - giai đoạn thăm dò và đi vào ổn định (1979-1991): Ở giai đoạn này, nguồn vốn FDI vào Trung Quốc không nhiều, mức độ chậm chạp, quy mô nhỏ; các dự án có hàm lượng kĩ thuật thấp, sử dụng nhiều lao động, kì hạn quay vòng vốn ngắn, lợi nhuận tương đối cao. Nguyên nhân của tồn tại này là do những bộ luật liên quan đến đầu tư nước ngoài (ĐTNN) ở Trung Quốc chưa hoàn thiện, các nhà đầu tư ngại Trung Quốc thiếu hiểu biết về luật kinh tế, thiếu kinh nghiệm thu hút FDI,

sự bất ổn của tình hình chính trị, về mức độ đáng tin cậy của Trung Quốc trong sự tôn trọng các cam kết hợp đồng; hơn nữa cơ sở hạ tầng lại rất lạc hậu, nhân viên kĩ thuật đều khó có thể đáp ứng được yêu cầu do nhà ĐTNN đặt ra... Vì vậy ở giai đoạn đầu, thái độ của nhà ĐTNN cơ bản chỉ là thăm dò.

Giai đoạn hai - giai đoạn phát triển mạnh mẽ (1992-2001): So với giai đoạn trên, lượng vốn thu hút FDI ở giai đoạn này đã có sự tăng trưởng đột biến, cơ cấu đầu tư có sự chuyển dịch tích cực theo xu thế kinh tế thị trường dưới sự điều tiết của nhà nước. Nguyên nhân dẫn tới thành công này là do Trung Quốc đã nhanh chóng thực hiện chính sách thu hút FDI phù hợp với yêu cầu và đòi hỏi của kinh tế thị trường; mở cửa khuyến khích các công ty xuyên quốc gia đến từ các nước Âu - Mỹ, nên lượng vốn FDI đã không ngừng đổ vào Trung Quốc.

Giai đoạn ba - giai đoạn tăng trưởng cao và mang tính ổn định (2002-2004): Có thể nói rằng, thu hút FDI ở Trung Quốc trong thời kỳ này đã đạt mức kỉ lục và mang tính ổn định, vì lượng vốn đăng kí và vốn đầu tư thực tế luôn tăng cao qua các năm; cơ cấu đầu tư ngày càng hợp lý và có sự tiến triển về chất. Nguyên nhân của thành công này là do chính sách thu hút FDI của Trung Quốc đã được sửa đổi và điều chỉnh cho phù hợp với các cam kết khi gia nhập WTO.

Từ thực tế thu hút FDI qua các giai đoạn trên, ta nhận thấy số vốn đăng kí lẫn vốn đầu tư thực hiện luôn tăng cao qua các năm; quy mô dự án ngày càng lớn và phù hợp với mục tiêu hiện đại hoá của Trung Quốc. Điều đó chứng tỏ tính hiệu quả trong chính sách thu hút FDI của Trung Quốc. Để có được thành công này, Trung Quốc đã trải qua 26 năm thu hút, sử dụng vốn FDI và tích lũy được nhiều kinh nghiệm thành công. Dưới đây là những kinh nghiệm chủ yếu:

Thứ nhất, Đảng Cộng sản Trung Quốc kiên định đẩy mạnh cải cách, mở cửa và coi trọng xây dựng chính sách thu hút FDI vận động theo cơ chế thị trường dưới sự điều tiết của nhà nước.

Trong chuyến công du phương Nam vào đầu năm 1992, Đặng Tiểu Bình đã chỉ ra rằng nền kinh tế kế hoạch không đồng nhất với chủ nghĩa xã hội, bởi vì chủ nghĩa tư bản cũng có kế hoạch; nền kinh tế thị trường không đồng nghĩa với chủ nghĩa tư bản, bởi vì chủ nghĩa xã

hội cũng có thị trường. Tư tưởng này là một bước quan trọng giải quyết vấn đề lý thuyết và thực tế tồn tại hàng trăm năm qua. Xác định mục tiêu chung thực hiện nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 14 Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tuyên bố Trung Quốc sẽ đi theo hướng nền kinh tế thị trường trong khi vẫn giữ vai trò chủ đạo của sở hữu nhà nước và kết hợp sở hữu nhà nước với kinh tế thị trường. Đây được coi là bước đột phá quan trọng và đã giành được những thành tựu về cải cách kinh tế.

Khi tiến hành cải cách và mở cửa, Trung Quốc đặc biệt coi trọng xây dựng chính sách thu hút FDI vận động theo nguyên tắc và tác dụng chỉ đạo của kinh tế thị trường. Điều này không những không phủ nhận tác dụng của quản lý Nhà nước trong điều tiết vĩ mô mà ngược lại coi điều tiết thị trường là biện pháp cơ bản để bố trí tiền vốn FDI, nên việc tăng cường, quản lý nhà nước và điều tiết vĩ mô càng trở nên quan trọng. Dưới sự điều tiết của nhà nước, quan hệ sản xuất mới và lực lượng sản xuất mới do FDI mang lại đã không làm át quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa (XHCN) vốn có mà nó phát triển phù hợp, bổ sung cho quan hệ sản xuất XHCN.

Thứ hai, Nhà nước Trung Quốc luôn giữ vững nguyên tắc chủ động và hợp lý khi xây dựng chính sách thu hút FDI theo lĩnh vực và khu vực đầu tư.

Về mở cửa từng bước và hợp lý từng lĩnh vực, liên tục tối đa hoá cơ cấu

ĐTNN: Trong giai đoạn đầu, Trung Quốc chủ yếu mở cửa ngành công nghiệp nhẹ và dệt cho các nhà ĐTNN. Sau đó từng bước mở rộng phạm vi thị trường cho nhà ĐTNN, bao gồm năng lượng, nguyên liệu thô, các ngành xây dựng cơ bản... Nhằm chuẩn bị tốt hơn cho cạnh tranh đang tăng lên khi gia nhập WTO, Trung Quốc đang dần dỡ bỏ những hạn chế đối với những lĩnh vực bị hạn chế đầu tư, đặc biệt là ngành ngoại thương, bảo hiểm, tài chính, du lịch...

Điều quan trọng hơn là Trung Quốc đã cố gắng liên tục cải thiện cơ cấu FDI. Chính phủ đã ban hành và sửa đổi hướng dẫn về ĐTNN, và đặc biệt tập trung vào hướng dẫn ĐTNN đối với những ngành "*được khuyến khích*". Theo các quyết định của Chính phủ, Trung Quốc sẽ tận dụng việc gia nhập WTO để tăng mức sử dụng vốn đầu tư và để FDI tái cơ cấu kinh tế và nâng cấp các ngành công nghiệp, đặc biệt là khuyến khích các công ty xuyên quốc gia đầu tư vào các ngành công nghệ cao và cơ sở hạ tầng, khuyến khích các công ty này hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển, tham gia vào việc tái cơ cấu và đổi mới doanh nghiệp nhà nước.

Về mở rộng từng bước và vững chắc các khu vực: Nhằm giảm bớt rủi ro và sự phản đối từ những người không nhất trí mở cửa, Trung Quốc đã thực hiện chiến lược mở cửa từng bước và vững chắc các khu vực theo liệu pháp "*dò đá qua sông*".

Bước thứ nhất là thành lập 5 đặc khu kinh tế. Đây chính là thành công lớn

nhất mà Trung Quốc đạt được khi thực hiện mở cửa đất nước. Các đặc khu kinh tế được đánh giá thành công trên ba mặt: Các đặc khu kinh tế là những người lính xung kích số một trong thu hút vốn, kĩ thuật, công nghệ, kinh nghiệm nước ngoài vào khuyến khích xuất khẩu; các đặc khu đóng vai trò người dò đường trong quá trình thử nghiệm mở cửa; sự phát triển của các đặc khu kinh tế có tác dụng mạnh thúc đẩy các địa phương khác trong cả nước phát triển.

Từ năm 1984, Trung Quốc tiếp tục mở cửa 14 thành phố ven biển; mở các khu khai thác và phát triển kinh tế kĩ thuật; thực hiện chiến lược khai thác kinh tế "*ba ven*" (ven biển, ven sông, ven biên giới). Quá trình mở cửa các khu vực này đã làm cho nền kinh tế ở các vùng ven biển miền Đông giàu lên nhanh chóng.

Sau nhiều năm kinh nghiệm phát triển khu vực phía Đông, từ năm 1992, Chính phủ Trung Quốc bắt đầu chú ý phát triển khu vực phía Tây nhằm giảm bớt sự chênh lệch giữa các vùng kinh tế, tiến tới sự phát triển cân đối trên toàn lãnh thổ Trung Quốc.

Thứ ba, kinh nghiệm về xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư đối với người Hoa và Hoa kiều xoay quanh đặc điểm dân tộc được coi trọng.

Để chính sách khuyến khích người Hoa và Hoa kiều ở nước ngoài về đầu tư thu được thành công, Chính phủ Trung Quốc đã dành cho họ nhiều ưu đãi về thuế, thủ tục xuất nhập cảnh, phí

chuyển ngoại tệ. Ngoài ra, Chính phủ cũng rất coi trọng chính sách Kiều vụ trong nước xoay quanh đặc điểm dân tộc được coi trọng như: nguyên tắc “*đôi xử bình đẳng, không được kì thị, căn cứ đặc điểm, chiếu cố thích đáng*”; phát huy phương châm “*bảo vệ và phát huy nhiệt tình yêu nước, yêu nhà của kiều bào*”; thành lập hệ thống kiều vụ từ trung ương tới địa phương, vừa làm tham mưu cho chính quyền các cấp, vừa làm trung gian môi giới với người Hoa và Hoa kiều ở nước ngoài; khôi phục lại các cơ sở dịch vụ công của Hoa kiều (trường học, bệnh viện...); thành lập Ủy ban Hoa kiều Quốc hội Trung Quốc; đề bạt cán bộ Hoa kiều vào những chức vụ quan trọng cũng như kết nạp họ vào Đảng; có nhiều biện pháp thúc đẩy và phát triển mối quan hệ hữu nghị với những nơi có người Hoa và Hoa kiều cư trú...

Như vậy, chính sách khuyến khích đầu tư đối với người Hoa và Hoa kiều ở nước ngoài đầu tư vào Trung Quốc dựa trên những đặc điểm dân tộc, truyền thống văn hoá chung, đã đoàn kết họ, củng cố họ thành một khối và đã khơi dậy lòng nhiệt tình của họ đối với việc xây dựng kinh tế đất nước, góp phần tạo nên những thành công trong thu hút FDI ở Trung Quốc hiện nay.

Thứ tư, tăng cường cải thiện môi trường đầu tư.

Môi trường đầu tư là một trong những tiêu chí quan trọng để các doanh nghiệp nước ngoài lựa chọn và quyết định đầu tư. Nhận thức được vấn đề này, Trung

Quốc đã sớm tạo lập môi trường đầu tư theo phương châm “*xây tổ ấm đón phượng hoàng*”, chủ yếu trên các khía cạnh sau:

Về mặt pháp luật: Bộ Luật Liên doanh Cổ phần giữa Trung Quốc với nước ngoài ban hành ngày 01-7-1979 là văn bản đầu tiên về ĐTNN sau ngày cải cách và mở cửa. Đến nay, Trung Quốc đã ban hành hơn 500 văn bản gồm các bộ luật và pháp quy liên quan đến đến hoạt động ĐTNN. Những văn bản pháp lý này cơ bản là phù hợp với đòi hỏi của những quan hệ mở trong nền kinh tế thị trường và thường được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp khi thực tiễn thay đổi.

Hiện nay, Trung Quốc đã là thành viên của WTO. Để nhất quán với những điều khoản đã cam kết, Trung Quốc lại tiếp tục tăng cường ban hành và cải tiến luật, quy định chính sách liên quan đến thu hút ĐTNN một cách nhất quán. Đồng thời tăng cường hiệu quả và nâng cao hiệu quả dịch vụ của các cơ quan chính phủ để tạo môi trường thuận lợi kể cả phần cứng và phần mềm đối với hoạt động ĐTNN; xoá bỏ độc quyền của bộ, ngành và dỡ bỏ các rào cản của các vùng nhằm thiết lập hệ thống thị trường thống nhất và có trật tự trên toàn quốc; bảo vệ quyền hợp ích hợp pháp và lợi ích của nhà ĐTNN, đối xử công bằng và cùng có lợi trong tiến trình phát triển chung.

Về thủ tục hành chính: Nhằm kêu gọi đầu tư một cách rộng khắp, Trung Quốc không ngừng nới lỏng các thủ tục thành lập xí nghiệp ĐTNN. Nếu để thực thi

một dự án đầu tư trước đây cần phải có 70 con dấu, đến nay đã được rút ngắn tối đa và chỉ cần một con dấu của cơ quan có thẩm quyền cao nhất. Ngoài ra, Trung Quốc còn mở rộng quyền hạn cho từng tỉnh, thành, đặc khu có quyền phê chuẩn những dự án đầu tư dưới 30 triệu USD. Trong công tác cải cách thủ tục hành chính, Bắc Kinh là thành phố đi đầu, họ thực hiện chính sách "một cửa" đối với nhà đầu tư và giúp đỡ họ ngay từ khi đặt chân đến thành phố cho đến khi ra sản phẩm đầu tiên.

Về cơ sở hạ tầng: Trong giai đoạn đầu thu hút FDI, lượng vốn thực tế nhận được từ các khoản vay nước ngoài cao hơn nhiều so với vốn FDI, nên Chính phủ Trung Quốc đã chủ động sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài để cấp cho các dự án về cơ sở hạ tầng. Trong điều kiện nguồn vốn còn hạn hẹp, Trung Quốc đã chú trọng đầu tư xây dựng cơ bản tại các đặc khu kinh tế và các vùng kinh tế trọng điểm. Họ nhận thức rằng, sự chuẩn bị chu đáo về cơ sở hạ tầng sẽ là yếu tố quan trọng đến sức hấp dẫn của môi trường đầu tư của một quốc gia. Thế nên, họ đã đưa ra một khẩu hiệu

đơn giản nhưng hiệu quả "xây tổ ấm đón phượng hoàng".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *An Overview of Chinese Absorption of Foreign Direct Investment in 2003*, The Foreign Investment Department of the Ministry of Commerce - P.R.China, 2004-09-27.
2. *News Release of National Assimilation of FDI from January to December 2004*, The Foreign Investment Department of the Ministry of Commerce - P.R.China, 2005-01-16.
3. *Statistics about Utilization of Foreign Investment in 2004 (1-12) of China*, The Foreign Investment Department of the Ministry of Commerce - P.R.China, 2005-01-17.
4. TS. Nguyễn Kim Bảo, *Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Trung Quốc từ 1979 đến nay*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội - 2000.
5. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, *Chính sách phát triển kinh tế: Kinh nghiệm và bài học của Trung Quốc tập I*, NXB Giao thông Vận tải, Hà Nội - 9-2004.